TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN T. THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 29/2018/QĐST-HNGĐ	*Hà Nội, ngày* 18 *tháng* 01 *năm* 2018.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ việc dân sự thụ lý số 01/2018/TLST/HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2018, giữa:

Người yêu cầu:

Chị Lê Thị Thu H., sinh năm 1977

Hộ khẩu thường trú: P110, Tập thể công cụ số 1, phường T., quận T., thành phố Hà Nội.

Anh Đỗ Tuấn A., sinh năm 1977

Hộ khẩu thường trú: P110, Tập thể công cụ số 1, phường T., quận T., thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí; Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Điểm 1, tiểu mục I, mục B danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án (ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016);

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 01 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 01 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và

hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Lê Thị Thu H., sinh năm 1977

Hộ khẩu thường trú: P110, Tập thể công cụ số 1, phường T., quận T., thành phố Hà Nội.

Anh Đỗ Tuấn A., sinh năm 1977

Hộ khẩu thường trú: P110, Tập thể công cụ số 1, phường T., quận T., thành phố Hà Nội.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về hôn nhân: Anh Đỗ Tuấn A. và chị Lê Thị Thu H. thuận tình ly hôn.

Về con chung: Anh Đỗ Tuấn A. và chị Lê Thị Thu H. có có 01 con chung là: Đỗ Minh Hiếu (nam) sinh ngày 12.12.2003.

Ghi nhận sự thỏa thuận của chị Lê Thị Thu H. và anh Đỗ Tuấn A. giao con chung Đỗ Minh Hiếu (nam) sinh ngày 12.12.2003 cho chị Lê Thị Thu H. trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh Đỗ Tuấn A. cho đến khi chị Hằng có yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác.

Anh Đỗ Tuấn A. có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không bên nào được cản trở.

Về tài sản chung: Anh Đỗ Tuấn A. và chị Lê Thị Thu H. tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về lệ phí: Anh Đỗ Tuấn A. và chị Lê Thị Thu H. mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 150.000 đồng đã nộp tại biên lai số 08308 và biên lai số 08309 ngày 02.01.2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T., thành phố Hà Nội.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận T.;
- UBND phường Khương Đình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

PHƯƠNG THẢO

<u>Hướng dẫn sử dụng mẫu số 40-DS:</u>

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ghi họ tên, địa chỉ của đương sự. Tuỳ theo độ tuổi mà ghi Ông hoặc Bà, Anh hoặc Chị trước khi ghi họ tên.

(3) Ghi họ tên của đương sự ly hôn.

(4) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành (kể cả án phí).